

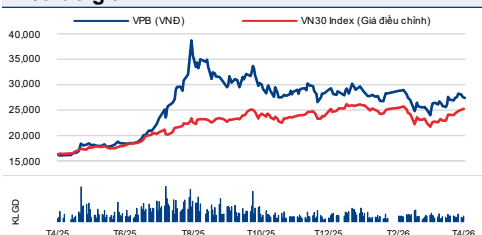
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,300
Tiềm năng tăng/giảm: 36.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/4/2026)	27,400
Mã Bloomberg	VPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,063-38,650
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	27,638
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	217,390
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,257
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,934
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,380
Slg CP NN được mua (tr.đv)	406
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.9%
Tỷ lệ freefloat	58.3%
Cổ đông lớn	lũng, người liên quan (19.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,260	1,660	2,120
Dư nợ cho vay (ntđ)	945	1,261	1,681
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	74.5	94.6	118
Lợi nhuận thuần (ntđ)	24.0	29.9	36.8
BVPS (đồng)	21,163	24,489	28,686
EPS (đồng)	3,024	3,774	4,639
DPS (đồng)	500	500	500
T. trưởng cho vay KH (%)	36.3	33.4	33.3
T. trưởng thu nhập HĐ (%)	19.6	27.0	25.1
Tăng trưởng EPS (%)	52.1	24.8	22.9
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	16.5	13.2	10.8
ROAE (%)	15.5	16.5	17.4
ROAA (%)	2.20	2.05	1.95
Tỷ lệ NIM (%)	5.56	5.42	5.28
Tỷ lệ CIR (%)	24.8	22.4	22.1
Hệ số CAR (%)	14.3	12.9	11.9
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.33	3.16	3.06
LLR/nợ xấu (%)	55.4	56.0	56.2
Hệ số LDR (%)	151	150	148
P/B (lần)	1.29	1.12	0.96
P/E (lần)	9.06	7.26	5.91
Lợi suất cổ tức (%)	1.82	1.82	1.82

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VPB hiện có quy mô tổng tài sản lớn thứ hai trong nhóm các NH tư nhân. Với chiến lược xây dựng một NH đa năng, VPB cung cấp toàn diện các giải pháp và dịch vụ tài chính bao gồm NH thương mại, chứng khoán, cho vay tiêu dùng, và bảo hiểm.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.phien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

KQKD Q1/2026 đang đi đúng hướng với các kế hoạch tăng trưởng đầy tham vọng

- ĐHCĐ của VPB đã thông qua kế hoạch đầy tham vọng tăng trưởng LNTT đạt 35% trong năm 2026, cùng với kế hoạch tăng vốn (bao gồm phát hành 26% cổ phiếu thưởng và 6,24% phát hành riêng lẻ) và cổ tức tiền mặt 500đ/cp từ lợi nhuận năm 2025.
- VPB đã công bố LNTT hợp nhất Q1/2026 đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, tăng 58% từ mức nền thấp cùng kỳ (giảm 22,6% so với quý trước) nhưng thấp hơn một chút so với dự báo Q1 của chúng tôi; tuy nhiên, chúng tôi tin rằng VPB nhìn chung đang đi đúng hướng để hoàn thành dự báo năm 2026 của chúng tôi. Tăng trưởng bằng cân đối vẫn giữ vững nhưng sức ép lên tỷ suất lợi nhuận sẽ cần theo dõi chặt chẽ.
- VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,12 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,3 lần. Cổ phiếu VPB đang có định giá hấp dẫn, chúng tôi giữ nguyên khuyến nghị Mua vào & giá mục tiêu.

Sự kiện: ĐHCĐ, KQKD Q1/2026; kế hoạch/cập nhật của BLĐ

VPB đã công bố KQKD Q1/2026 khả quan nhưng thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi, trong đó LNTT hợp nhất đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ (giảm 22,6% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 6,2 nghìn tỷ đồng (tăng 59% so với cùng kỳ). Kết quả này phản ánh tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ mặc dù tỷ lệ NIM thu hẹp, thu nhập phí vững chắc nhưng bị bù trừ một phần do lỗ thuần HĐ kinh doanh ngoại hối & thu nhập từ thu hồi nợ xấu giảm, trong khi tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ nhưng vẫn trong tầm kiểm soát. ĐHCĐ đã thông qua tất cả các tờ trình, bao gồm kế hoạch kinh doanh năm 2026 cùng các kế hoạch huy động vốn, chia cổ tức và thành lập công ty bảo hiểm nhân thọ.

Q1/2026: Tăng trưởng mạnh mẽ; áp lực lên tỷ suất lợi nhuận cần theo dõi

VPB đã báo cáo KQKD Q1/2026 khả quan nhưng thấp hơn so với kỳ vọng của chúng tôi với LNTT hợp nhất đạt 7,9 nghìn tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ (giảm 22,6% so với quý trước), hoàn thành 19,2% kế hoạch lợi nhuận năm 2026 của Ngân hàng (xem chi tiết bên dưới) và 20% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Những thông tin chính về KQKD bao gồm:

- Tăng trưởng tín dụng đạt 10,2% kể từ đầu năm.
- Huy động (tiền gửi & giấy tờ có giá) tăng trưởng 11,8% kể từ đầu năm.
- Tỷ lệ NIM giảm 35 điểm cơ bản so với quý trước xuống 5,36% trong Q1 do lợi suất tài sản nhìn chung đi ngang ở mức khoảng 10% trong khi chi phí huy động tăng 33 điểm cơ bản so với quý trước.
- Chất lượng tài sản: Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 3,58% từ 3,33% tại thời điểm cuối năm 2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Cơ cấu LNTT Q1/2026 theo lĩnh vực kinh doanh, VPB

Tỷ đồng	Q1/25	Q4/25	Q1/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	% kế hoạch 2026	% 2026 HSCF
Ngân hàng	4,942	9,291	7,383	49%	-21%	22%	23%
Tài chính tiêu dùng	79	129	78	-2%	-40%	7%	7%
Môi giới	351	1,216	515	47%	-58%	8%	8%
Bảo hiểm	96	179	261	171%	46%	28%	32%
Hợp nhất	5,017	10,223	7,921	58%	-23%	19%	20%

Nguồn: VPB, HSC

Tại cuộc họp thảo luận về KQKD Q1/2026, BLĐ cho biết các xu hướng này dự kiến sẽ tiếp diễn. Mặc dù nhìn chung lạc quan về triển vọng năm 2026 - nhờ tăng trưởng tín dụng và tiền gửi ở mức hai chữ số trở lên và lợi nhuận Q1/2026 khả quan - BLĐ thận trọng hơn đáng kể đối với triển vọng tỷ lệ NIM. Chi phí huy động tiếp tục tăng nhanh hơn so với lợi suất tài sản, trong khi chiến lược chuyển dịch cơ cấu tín dụng sang cho vay thế chấp và phân khúc khách hàng doanh nghiệp đang gia tăng sức ép lên tỷ suất lợi nhuận. Do đó, tỷ lệ NIM hiện nhiều khả năng sẽ không đạt dự báo ban đầu của chúng tôi cho cả năm 2026. Ngược lại, kế hoạch về chất lượng tài sản nhìn chung không thay đổi, trong khi kế hoạch tăng vốn và huy động vẫn là trọng tâm để hoàn thành kế hoạch năm 2026.

- Vẫn đúng hướng để hoàn thành kế hoạch năm 2026: KQKD Q1/2026 nhìn chung củng cố khả năng hoàn thành mục tiêu năm (xem chi tiết bên dưới).
- Sức ép lên tỷ lệ NIM vẫn là lực cản chính: Chi phí huy động tăng cao và tốc độ tái định giá lãi suất cho vay chậm hơn cho thấy tỷ suất lợi nhuận có thể không đạt giả định ban đầu cho năm 2026.
- Huy động vốn là ưu tiên cốt lõi: BLĐ đã nhấn mạnh một số kênh huy động bao gồm: Chứng chỉ tiền gửi, các kênh số, các sáng kiến đối với tiền gửi không kỳ hạn, phát hành trong nước và vay hợp vốn nước ngoài.
- Kế hoạch chất lượng tài sản vẫn được giữ nguyên: Tỷ lệ nợ xấu tại cuối 2026 (theo Thông tư 31) vẫn ở mức khoảng 2,5% hoặc thấp hơn, đồng thời cho biết chưa có dấu hiệu thay đổi về mức độ rủi ro.

Kế hoạch tham vọng cho năm 2026

ĐHCD đã thông qua kế hoạch tham vọng cho năm 2026 với LNTT đạt 41,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 35% so với thực hiện năm 2025; tương đương 104,5% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi), trong đó:

- LNTT Ngân hàng mẹ đạt 34,2 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 30%);
- LNTT FE Credit đạt 1,2 nghìn tỷ đồng (gần như gấp đôi so với năm 2025);
- LNTT của VPBank Securities (VPX; Chưa khuyến nghị) đạt 6,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 44%); và
- LNTT của OPES đạt 936 tỷ đồng (tăng trưởng 47%).

Động lực cho kế hoạch tăng trưởng tham vọng của VPB đến từ việc tiếp tục mở rộng bảng cân đối trong năm 2026, trong đó:

- Mục tiêu tổng tài sản hợp nhất đạt 1.630 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 29%);
- Dự nợ tín dụng hợp nhất đạt 1.292 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 34%); và
- Huy động sơ cấp hợp nhất (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) đạt 1.031 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 40%).

Ngoài ra, những động lực khác để hoàn thành kế hoạch tham vọng này bao gồm việc cải thiện thu nhập phí, tiền gửi không kỳ hạn, thu nhập từ thu hồi nợ xấu và khả năng quản trị rủi ro.

Kế hoạch tăng vốn và chi trả cổ tức

ĐHCD cũng đã thông qua kế hoạch tăng vốn trong năm 2026 của VPB, nâng vốn điều lệ từ 79,3 nghìn tỷ đồng hiện tại lên 106,2 nghìn tỷ đồng. Kế hoạch bao gồm 2 phần: (1) phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận giữ lại, nâng vốn điều lệ lên 100 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 26,04% số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và (2) phát hành riêng lẻ khoảng 624 triệu cổ phiếu cho NĐT nước ngoài, tương đương 6,24% số lượng cổ phiếu sau khi phát hành cổ phiếu thưởng, tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 106,243 nghìn tỷ đồng. Thương vụ phát hành riêng lẻ dự kiến sẽ thực hiện vào nửa cuối năm 2026. Chúng tôi chưa phản ánh kế hoạch phát hành riêng lẻ vào mô hình định giá.

VPB dự kiến sẽ chi trả cổ tức tiền mặt 500đ/cp từ lợi nhuận năm 2025 (tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức 16,7%; lợi suất cổ tức 1,2%) trong Q2-3/2026.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu hồi phục 14% trong 1 tháng qua nhưng vẫn giảm nhẹ kể từ đầu năm, VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,12 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,3 lần, và P/E dự phóng năm 2026 là 7,3 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 8,1 lần. Với hệ số ROE dự phóng năm 2026 đạt 16,5% (so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 17,3%) và tăng trưởng lợi nhuận đạt 25%, cổ phiếu VPB hiện có định giá khá hấp dẫn. Từ đó, HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	80.1	101	144	182	216
Chi phí lãi	(31.0)	(42.6)	(67.3)	(84.8)	(100)
Thu nhập lãi thuần	49.1	58.6	76.7	97.0	116
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.12	7.41	8.75	10.0	11.5
Lãi thuần HĐ KDNH	0.83	0.30	0.33	0.33	0.34
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.82	1.57	1.80	1.88	1.98
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.04	0.02	0.03	0.03
Thu nhập khác	5.38	6.51	6.99	9.02	10.1
Tổng thu nhập HĐ	62.2	74.5	94.6	118	140
Chi phí HĐ	(14.3)	(18.4)	(21.2)	(26.1)	(30.8)
LN trước dự phòng	47.9	56.0	73.4	92.2	109
Chi phí dự phòng	(27.9)	(25.4)	(33.8)	(43.9)	(48.2)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	20.0	30.6	39.5	48.3	60.6
Chi phí thuế TNDN	(4.03)	(6.27)	(7.91)	(9.66)	(12.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.21	0.36	1.68	1.83	2.21
Lợi nhuận thuần	15.8	24.0	29.9	36.8	46.3
EPS (đồng)	1,988	3,024	3,774	4,639	5,833
DPS (đồng)	1,000	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.15	2.77	8.60	14.4	19.1
Tiền gửi tại NHNN	14.3	13.6	16.9	22.8	26.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	135	186	248	272	299
Chứng khoán kinh doanh	13.1	24.0	37.1	40.8	44.9
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	677	928	1,239	1,652	1,900
Tổng dư nợ cho vay	694	945	1,261	1,681	1,933
Dự phòng rủi ro	(16.3)	(17.4)	(22.3)	(28.9)	(32.8)
Chứng khoán đầu tư	52.8	64.4	66.9	70.2	73.7
CK đầu tư sẵn sàng để bán	51.9	64.5	65.9	69.2	72.6
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0.99	0	1.05	1.05	1.05
Dự phòng rủi ro	(0.07)	(0.03)	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19
Tài sản cố định	2.02	2.03	2.12	2.24	2.37
Tài sản khác	27.3	39.1	41.6	44.9	48.9
Tổng tài sản	924	1,260	1,660	2,120	2,415
Nợ phải trả	777	1,080	1,452	1,876	2,124
Tiền gửi của NHNN	0.01	0.02	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	202	295	401	470	510
Tổng tiền gửi KH	486	628	841	1,135	1,305
Trái phiếu và CCTG	67.0	107	171	225	256
Nợ khác	22.1	48.7	38.5	45.5	51.5
Vốn chủ sở hữu	142	168	194	228	274
Vốn điều lệ	79.3	79.3	79.3	79.3	79.3
Thặng dư vốn cổ phần	24.0	24.0	24.0	24.0	24.0
Lợi nhuận giữ lại	24.0	46.0	68.0	96.0	136
Quỹ & vốn khác của CSH	14.6	18.6	23.0	28.3	35.1
Lợi ích cổ đông thiểu số	5.37	12.4	14.1	15.9	16.5
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	924	1,260	1,660	2,120	2,415
BVPS (đồng)	17,886	21,163	24,489	28,686	34,598

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.0	36.4	31.7	27.7	13.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	22.3	36.3	33.4	33.3	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	9.79	29.3	33.9	35.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.7	33.0	37.6	34.4	14.8
Tăng trưởng VCSH (%)	5.40	18.3	15.7	17.1	20.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.6	19.5	30.8	26.6	19.3
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	2.86	28.5	15.0	23.1	18.1
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	33.8	16.9	30.9	25.7	18.0
Tăng trưởng LNTT (%)	85.2	53.1	29.1	22.2	25.5
Tăng trưởng LN thuần (%)	58.1	52.1	24.8	22.9	25.8

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	7.15	6.82	6.48	6.26	6.16
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.65)	(1.69)	(1.45)	(1.38)	(1.36)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	96.6	96.9	97.2	97.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.27	2.59	3.13	3.73	2.15
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	54.8	81.6	100	121	150

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.8	9.06	7.26	5.91	4.70
P/B (lần)	1.53	1.29	1.12	0.96	0.79
Lợi suất cổ tức (%)	3.65	1.82	1.82	1.82	1.82

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	25.3	32.2	31.7	31.1	33.1
ROAA (%)	1.81	2.20	2.05	1.95	2.04
ROAE (%)	11.4	15.5	16.5	17.4	18.4
Chi phí huy động BQ (%)	4.42	4.77	5.51	5.23	5.14
Lợi suất góp BQ (%)	9.69	9.59	10.2	9.90	9.79
Lợi suất thuần (%)	5.27	4.82	4.66	4.66	4.65
Tỷ lệ NIM (%)	5.94	5.56	5.42	5.28	5.25
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.84	9.95	9.25	8.46	8.22
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	78.8	78.8	81.1	82.0	82.9
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	11.3	11.3	9.66	9.53	8.91
Tỷ lệ CIR (%)	23.0	24.8	22.4	22.1	22.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	50.3	16.5	13.2	10.8	8.57

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	15.5	14.3	12.9	11.9	12.3
VCSH/Tổng TS (%)	15.4	13.3	11.7	10.7	11.4
Đòn bẩy vốn (lần)	6.51	7.51	8.54	9.31	8.80

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.19	3.33	3.16	3.06	3.04
Hệ số LLR (%)	56.2	55.4	56.0	56.2	55.8

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	143	151	150	148	148
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.7	28.7	28.4	25.7	24.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	75.1	75.0	76.0	79.3	80.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	288	294	299	304	309
Số lượng nhân viên	27,428	28,768	30,206	31,717	65,019

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn